

Số: **6226** /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày **16** tháng **10** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và thiết bị y tế thuộc thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật đầu tư công ngày 18/6/2014, Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 hướng dẫn về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 về giám sát và đánh giá đầu tư; Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 sửa đổi Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của chính Phủ; Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 về quản lý Trang thiết bị y tế của Chính phủ; Các thông tư hướng dẫn của các Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch-Đầu tư, Bộ Tài chính về công tác quản lý đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và thiết bị y tế thuộc thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục, Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số và KHHGD, Thanh tra Bộ; Các Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình và thiết bị y tế; các cơ quan, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo) ;
- Bộ XD; Bộ KH&ĐT; Bộ TC;
- Các đơn vị trực thuộc ;
- Website Bộ Y tế;
- Lưu: VT, TB-CT.



QUY ĐỊNH

**Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và thiết bị y tế
thuộc thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6226 /QĐ-BYT
ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Quy định quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và thiết bị y tế được xây dựng nhằm hướng dẫn các Chủ đầu tư trực thuộc Bộ Y tế thực hiện đúng các quy định của nhà nước về Quản lý đầu tư xây dựng công trình và thiết bị y tế thuộc các dự án sử dụng các nguồn vốn (trừ dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và các dự án theo hình thức hợp tác công tư, liên doanh liên kết). Quy định này hướng dẫn từ việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng công trình, chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án, kết thúc đầu tư, bàn giao đưa công trình, thiết bị vào sử dụng, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng, thiết bị.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và các quy định này.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức đối tác công tư (PPP) thực hiện theo Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị định 30/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư và các quy định thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo hình thức PPP.

I. ĐIỀU KIỆN ĐỂ LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

Quy hoạch phát triển tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh còn hiệu lực.

Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tương ứng Quy hoạch phát triển tổng thể được Bộ Y tế thông qua và chính quyền địa phương phê duyệt.

Quy hoạch phát triển tổng thể, Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng là tài liệu làm căn cứ để lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư.

Đối với dự án xây dựng trên khu đất mới, phải được chính quyền địa phương thông báo giới thiệu địa điểm dự kiến xây dựng công trình.

Dự án đầu tư phải có mục tiêu, nội dung đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 18, Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014.

II. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ :

2.1. Xin phê duyệt chủ trương đầu tư:

Đối với dự án nhóm A, thủ trưởng đơn vị thụ hưởng hoặc đơn vị được Bộ trưởng giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi báo cáo Bộ Y tế, trình Thủ tướng Chính phủ thẩm định, phê duyệt. Đối với dự án từ nhóm B trở xuống, thủ trưởng đơn vị thụ hưởng hoặc đơn vị được Bộ trưởng giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trình Bộ Y tế thẩm định, quyết định phê duyệt.

Nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và phương án thiết kế sơ bộ trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tuân thủ theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị định 42/2017/NĐ-CP; Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án mua sắm trang thiết bị được thực hiện theo Điều 35, Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014.

Nội dung của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư tuân thủ các quy định tại Điều 36, Luật đầu tư công ngày 18/6/2014 và mẫu số 2, phụ lục 02, Nghị định 136/2015/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thực hiện theo Điều 23, Luật đầu tư công ngày 18/6/2014; dự án từ nhóm B trở xuống thực hiện theo Điều 26, Luật Đầu tư công.

Quản lý, sử dụng chí phí lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được thực hiện theo Điều 15, Luật Đầu tư công, và Điều 7, Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015.

2.2. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng công trình:

Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, Chủ đầu tư tiến hành lập, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ thiết kế làm cơ sở lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng có đủ tư cách pháp nhân và đủ năng lực chuyên môn để lập Báo cáo khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, trình Bộ Y tế phê duyệt.

Đối với lập dự án đầu tư mua sắm thiết bị không có cấu phần xây dựng, năng lực nhà thầu tư vấn tuân thủ theo quy định tại Điều 47, Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế.

2.2.1. Thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng:

Các dự án đầu tư có công trình xây dựng cấp I và cấp đặc biệt theo quy định tại Khoản 6, Điều 1, Nghị định 42/2017/NĐ-CP, phải được tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình trước khi lập dự án. Việc tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc được thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 1, Nghị định 42/2017/NĐ-CP và Thông tư số 13/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Sau khi có kết quả thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc, tác giả của thiết kế kiến trúc công trình xây dựng khi trúng tuyển hoặc được tuyển chọn được ưu tiên xem xét lựa chọn để lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

2.2.2. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo đúng quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2015/QH13.

Nội dung thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại điểm 1, Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2015/QH13 và phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn thiết kế - thiết kế mẫu công trình y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ Khoa học Công Nghệ ban hành. Các dự án dùng chi phí tư vấn từ nguồn vốn nước ngoài, chủ đầu tư ngoài việc tuân thủ các quy định trên còn phải tuân thủ quy định cụ thể của Tổ chức tài trợ.

Đối với các công trình xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng, chủ đầu tư lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể, trình Bộ Y tế phê duyệt; trừ trường hợp Bộ Y tế thấy cần thiết và yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo đúng quy định tại Điều 55 Luật Xây dựng số 50/2015/QH13.

2.2.3. Về việc thuê tư vấn nước ngoài trong dự án đầu tư xây dựng:

Việc thuê tư vấn nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 131/2007/QĐ-TTg ngày 09/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế thuê tư vấn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam, *Thông tư số 07/2012/TT-BXD ngày 26/10/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí thuê tư vấn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam* và các quy định hiện hành khác của Nhà nước.

Chủ đầu tư được ký hợp đồng thuê cá nhân, tổ chức tư vấn nước ngoài có kinh nghiệm, năng lực để phối hợp với Chủ đầu tư để quản lý các công việc ứng dụng công nghệ xây dựng mới mà tư vấn trong nước chưa đủ năng lực thực hiện hoặc có yêu cầu đặc biệt khác. Việc thuê tư vấn nước ngoài đối với các dự án sử dụng ngân sách nhà nước phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép. Chủ đầu tư phải gửi Hồ sơ xin phép thuê tư vấn nước ngoài với các nội dung sau:

- Sự cần thiết phải thuê tư vấn nước ngoài;
- Mục tiêu của việc thuê tư vấn nước ngoài;
- Khối lượng công việc cần thuê tư vấn nước ngoài;
- Phương thức lựa chọn tổ chức tư vấn nước ngoài;
- Dự kiến tổ chức tư vấn nước ngoài sẽ thuê (nếu có), hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn;
- Giá trị, tổng giá trị các công việc cần thuê tư vấn nước ngoài;
- Nguồn vốn để chi trả cho tổ chức tư vấn nước ngoài;
- Kế hoạch thực hiện công tác thuê tư vấn nước ngoài.

2.2.4. Đối với dự án đầu tư mua sắm thiết bị không có cấu phần xây dựng:

Danh mục trang thiết bị y tế đề xuất đầu tư phải lập thành bảng, trong đó nêu tên thiết bị (tên chung và đặc trưng, mục đích chính của thiết bị), số lượng của từng thiết bị, đơn vị tính phù hợp, giá khái toán của từng thiết bị. Danh mục trang thiết bị y tế đầu tư từ năm 2017 trở đi phải nằm trong định mức được Bộ Y tế phê duyệt.

2.3. Thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư:

2.3.1. Quy trình thủ tục thẩm định, phê duyệt:

Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình đến Bộ Y tế, Bộ Xây dựng để thẩm định, phê duyệt.

- Vụ Trang thiết bị và công trình y tế tổ chức thẩm định công năng dây chuyền của thiết kế cơ sở và danh mục, cấu hình cơ bản, khái toán thiết bị y tế thuộc dự án trước khi Chủ đầu tư gửi hồ sơ đến cơ quan thẩm định của Bộ Xây dựng, đến các cơ quan, tổ chức liên quan để thỏa thuận về các nội dung của dự án (phòng chống cháy, nổ; chiều cao tầng không; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, tài nguyên, kết nối hạ tầng kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác).

- Sau khi có văn bản thẩm định của Bộ Xây dựng, Vụ Trang thiết bị và công trình y tế sẽ tổng hợp kết quả thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt dự án.

- Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình có cấp công trình từ cấp II trở xuống, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, Bộ Y tế (*Vụ Kế hoạch - Tài chính*) chủ trì thẩm định trình Bộ trưởng phê duyệt; đối với công trình xây dựng mới không phù hợp với quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng được duyệt, phải được Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế có ý kiến bằng văn bản trước khi trình duyệt.

- Đối với lập dự án đầu tư mua sắm thiết bị không có cấu phần xây dựng:

Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đầu tư trang thiết bị y tế đến Bộ Y tế để thẩm định, phê duyệt. Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế làm đầu mối tổ chức (hoặc phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính trong trường hợp dự án đầu tư thiết bị y tế sử dụng nguồn kinh phí ngoài thường xuyên) thẩm định, trình lãnh đạo Bộ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư trang thiết bị y tế. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 2, Điều 47, Luật đầu tư công ngày 18/6/2014.

Tổng mức đầu tư của dự án được xác định căn cứ theo quy định tại Điều 47, Nghị định 136/2015/NĐ-CP.

2.3.2. Hồ sơ và nội dung thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng chủ trì thẩm định:

Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 (trừ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng);

Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 (thiết kế cơ sở trừ phần công nghệ);

Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 (thiết kế cơ

sở trù phần công nghệ) đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I. Đối với công trình cấp II trở xuống, Bộ Y tế tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung dự án.

Phê duyệt dự án đầu tư: Bộ trưởng Bộ Y tế sẽ xem xét phê duyệt các dự án đầu tư khi Hồ sơ trình duyệt đã được hoàn chỉnh theo kết quả thẩm định, tổng hợp thẩm định của Vụ Trang thiết bị và Công trình Y tế và Hội đồng tư vấn về quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản Bộ Y tế (nếu cần).

2.3.3. Điều chỉnh dự án đầu tư:

Dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Do các nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi về mục tiêu, nội dung đầu tư, chi phí và thời gian thực hiện dự án;
- Do ảnh hưởng của sự cố thiên tai, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác khi đã hết thời gian bảo hiểm của dự án;
- Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định;
- Khi điều chỉnh quy hoạch ảnh hưởng trực tiếp tới dự án;
- Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

Công tác điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 14, Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

Công tác điều chỉnh dự án mua sắm trang thiết bị không có cấu phần xây dựng: thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 46 Luật Đầu tư công và Điều 34, Nghị định 136/2015/NĐ-CP.

III. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG:

3.1. Định hướng đầu tư phát triển:

Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; chiến lược nợ quốc gia; mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 05 năm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; Quy hoạch phát triển ngành; Nhu cầu và dự báo khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư; Cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, Các đơn vị sử dụng, các cơ quan quản lý vốn đầu tư công lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

3.2. Kế hoạch đầu tư trung hạn (5 năm):

Các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công phải được phê duyệt danh mục trong kế hoạch trung hạn. Quy định lập, thẩm định kế hoạch trung hạn thực hiện theo Điều 58, Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014. Bộ Y tế (Vụ Kế hoạch-Tài chính đầu mối) tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn gửi Bộ Kế hoạch-Đầu tư, Bộ Tài Chính



trước ngày 15 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

3.3. Kế hoạch đầu tư hàng năm:

Trước ngày 10 tháng 7 hàng năm, Chủ đầu tư gửi về Vụ Kế hoạch Tài chính (Vụ đầu mối), Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế (Vụ phối hợp), kế hoạch đầu tư công năm sau để thẩm định, tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng. Sau khi hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm sau theo ý kiến kết luận của Bộ trưởng, sẽ gửi Bộ Kế hoạch - đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định và báo cáo Chính phủ trước ngày 20 tháng 9.

3.4. Điều kiện để đăng ký kế hoạch đầu tư hàng năm:

Các dự án đầu tư chỉ được ghi kế hoạch vốn đầu tư hàng năm khi có danh mục được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn hoặc kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh (nếu có).

1. Đối với dự án khởi công mới, ngoài các điều kiện trên, cần có thêm các điều kiện sau:

a) Được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch, trừ dự án khẩn cấp, dự án sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách nhà nước, tăng thu, kết dư ngân sách nhà nước và các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối các nguồn vốn; bảo đảm bố trí đủ vốn theo tiến độ hoàn thành quy định trong kế hoạch đầu tư công trung hạn;

c) Bố trí đủ vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong năm đầu thực hiện dự án.

2. Dự án khẩn cấp và dự án cần thiết mới phát sinh bổ sung vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn được bố trí vốn từ nguồn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này và phải được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư.

3. Đối với vốn chuẩn bị đầu tư hoặc dự án chuẩn bị đầu tư phải có quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư và dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền quyết định đến ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch”.

3.5. Giao kế hoạch đầu tư hàng năm:

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư cho các dự án, Bộ Y tế thông báo vốn đầu tư cho các chủ đầu tư, đồng thời gửi Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước và nhập kế hoạch vốn vào hệ thống thông tin quản lý của Bộ Kế hoạch-Đầu tư và hệ thống TABMIS của kho bạc nhà nước để làm căn cứ cấp phát thanh toán. Các chủ đầu tư trên cơ sở thông báo kế hoạch vốn được giao, làm thủ tục xin cấp phát thanh toán vốn tại kho bạc nhà nước theo quy định.

3.6. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư và xây dựng hàng năm:

Trong quá trình thực hiện dự án, nếu có nhu cầu điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư so với kế hoạch, chủ đầu tư lập báo cáo gửi Bộ Y tế về tình hình thực hiện vốn đầu tư để xác định số vốn thuộc kế hoạch năm đã thanh toán cho dự án, số vốn dự kiến thừa hoặc thiếu để có phương án điều chỉnh.

IV. CÔNG TÁC THỰC HIỆN DỰ ÁN:

4.1. Nguyên tắc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư:

Giao Đơn vị thụ hưởng làm chủ đầu tư các dự án: Đầu tư trang thiết bị (không có cấu phần xây dựng); Dự án đầu tư bằng các nguồn vốn từ nhóm C trở xuống và các dự án đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư; Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay tín dụng, tự cân đối của các Đơn vị.

Giao Ban QLDA chuyên ngành xây dựng công trình y tế làm chủ đầu tư các dự án sau: Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhóm B trở lên, dự án xây dựng mới chưa xác định được đơn vị thụ hưởng quản lý sử dụng, xây dựng mới cơ sở 2, các dự án mà đơn vị thụ hưởng không có năng lực quản lý dự án và một số dự án đầu tư mà đơn vị thụ hưởng có đề nghị chuyển Ban QLDA chuyên ngành làm Chủ đầu tư.

Trường hợp đặc biệt và Dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn: Bộ trưởng Bộ Y tế sẽ có Quyết định giao cụ thể.

Chủ đầu tư được giao trước khi lập dự án hoặc xác định tại quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

4.2. Hình thức tổ chức quản lý dự án:

Các dự án giao Đơn vị thụ hưởng làm Chủ đầu tư:

- Đối với dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình có tổng mức dưới 15 tỷ và dự án đầu tư trang thiết bị không có cấu phần xây dựng Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc để trực tiếp quản lý.

- Đối với dự án có tổng mức từ 15 tỷ trở lên, Chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác quản lý dự án với Ban QLDA chuyên ngành hoặc ban QLDA khu vực, đồng thời thành lập Ban/Tổ giúp việc theo dõi thực hiện Hợp đồng ủy thác. Thời gian ký Hợp đồng ủy thác tối đa 60 ngày sau thời điểm dự án được phê duyệt.

Các dự án giao Ban quản lý dự án chuyên ngành xây dựng công trình y tế làm Chủ đầu tư: Hình thức QLDA là Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài Chính.

4.3. Tuyển chọn Tư vấn lập Thiết kế - dự toán công trình:

Đối với các dự án tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng theo quy định tại mục 2.3.1-mục II của Quy định này, sau khi có kết quả thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án kiến trúc, Chủ đầu tư nghiên cứu, xem xét, thương thảo ký kết với tác giả của phương án thiết kế kiến trúc để thực hiện

việc lập dự án và thiết kế xây dựng khi tác giả của phương án thiết kế kiến trúc có đủ điều kiện năng lực theo quy định;

Đối với các dự án không tổ chức thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc, Chủ đầu tư căn cứ quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền, tổ chức đấu thầu để lựa chọn cơ quan Tư vấn đầu tư xây dựng có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực chuyên môn lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán theo quy định hiện hành.

4.4. Lập, thẩm định Thiết kế - dự toán công trình:

Hồ sơ Thiết kế - dự toán được lập cho từng công trình phải phù hợp với Thiết kế cơ sở đã được phê duyệt kèm theo Dự án đầu tư; nội dung Thiết kế - dự toán công trình phải theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, Chủ đầu tư gửi Hồ sơ thiết kế-dự toán đến Bộ Xây dựng (công trình cấp I trở lên), đến Sở Xây dựng địa phương (công trình cấp II trở xuống) để thẩm định. Sau khi có văn bản thông báo kết quả thẩm định của Bộ Xây dựng, Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế - Bộ Y tế kiểm tra, tổng hợp hồ sơ thiết kế-dự toán và trình Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

Nội dung thẩm định được quy định tại Điều 83 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014.

Đối với công trình sử dụng vốn khác, Chủ đầu tư gửi Hồ sơ thiết kế đến Bộ Xây dựng (công trình cấp I, cấp đặc biệt) hoặc Sở Xây dựng địa phương (công trình cấp II, cấp III) để thẩm định. Sau khi có văn bản thông báo kết quả thẩm định phần thiết kế, Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế - Bộ Y tế kiểm tra, tổng hợp hồ sơ thiết kế-dự toán và trình Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

Các công trình khác không thuộc các cấp công trình nêu trên, Chủ đầu tư tự thẩm tra, hoặc thuê tổ chức, tư vấn cá nhân thẩm tra trước khi tổ chức thẩm định và phê duyệt theo quy định hiện hành.

Đối với dự án đầu tư trang thiết bị không có cấu phần xây dựng: Chủ đầu tư lập hồ sơ thiết kế lắp đặt (nếu có), dự toán theo quy định tại Điều 52, Nghị định 136/2015/NĐ-CP gửi Bộ Y tế (Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế) để thẩm định và trình Lãnh đạo Bộ Y tế phê duyệt. Nội dung thẩm định tuân thủ theo quy định tại Điều 51, Nghị định 136/2015/ND-CP.

4.5. Phê duyệt thiết kế - dự toán công trình:

4.5.1. Đối với dự án vốn ngân sách nhà nước:

Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước;

Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước.

4.5.2. Đối với dự án vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác:

Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước;

Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế hai bước;

4.6. Thay đổi thiết kế xây dựng công trình:

Việc thay đổi thiết kế xây dựng công trình được thực hiện theo Điều 8 Luật Xây dựng 50/2014/QH-13 ngày 18/06/2014, cụ thể như sau:

4.6.1. Thiết kế xây dựng công trình được thay đổi trong các trường hợp sau đây:

- Khi điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu điều chỉnh thiết kế xây dựng;
- Trong quá trình thi công xây dựng có yêu cầu phải điều chỉnh thiết kế xây dựng để bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả của dự án.

4.6.2. Khi điều chỉnh thiết kế xây dựng mà có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu của kết cấu chịu lực, biện pháp tổ chức thi công ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình thì việc điều chỉnh thiết kế xây dựng phải được thẩm định và phê duyệt theo quy định tại Điều 4.3 và 4.4 trên.

4.7. Lập và quản lý đơn giá, dự toán công trình, dự toán gói thầu:

Việc lập dự toán xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 23/3/2015 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Việc thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự toán công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP.

Việc lập dự toán gói thầu được thực hiện theo quy định từ Điều 12 đến Điều 16 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP.

Việc lập và quản lý định mức, đơn giá và chỉ số giá xây dựng công trình được thực hiện theo quy định từ Điều 17 đến Điều 22 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP.

4.8. Lập đơn giá xây dựng công trình

Đơn giá xây dựng công trình được lập trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật và gồm các loại sau:

- Đơn giá xây dựng chi tiết của công trình được xác định cho các công tác xây dựng cụ thể của công trình, làm cơ sở để xác định dự toán xây dựng;
- Giá xây dựng tổng hợp được xác định cho nhóm, loại công tác xây dựng, đơn vị kết cấu hoặc bộ phận công trình, công trình làm cơ sở để xác định dự toán xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng.

4.9. Quản lý giá xây dựng công trình

Chủ đầu tư căn cứ phương pháp xác định giá xây dựng công trình theo hướng dẫn Thông tư 06/2015/TT-BXD ngày 10/03/2016, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện và biện pháp

thi công cụ thể của công trình tổ chức xác định đơn giá xây dựng chi tiết của công trình, giá xây dựng tổng hợp của công trình làm cơ sở xác định dự toán xây dựng, tổng mức đầu tư và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Chủ đầu tư được thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng thực hiện các công việc hoặc phân công việc liên quan tới việc xác định, thẩm tra giá xây dựng công trình.

4.10. Sử dụng Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế, Thiết kế mẫu, Hướng dẫn thiết kế công trình y tế:

Các Tổ chức tư vấn xây dựng, Chủ đầu tư phải sử dụng Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế, Thiết kế mẫu, Hướng dẫn thiết kế do các cấp có thẩm quyền ban hành làm căn cứ cho việc lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình y tế.

Trong quá trình sử dụng Tiêu chuẩn thiết kế, nếu phát hiện những vấn đề bất cập các tổ chức trên cần phản ánh về Bộ Y tế để nghiên cứu điều chỉnh hoặc kiến nghị cơ quan ban hành điều chỉnh kịp thời.

4.11. Giấy phép xây dựng công trình:

Các thủ tục về cấp giấy phép xây dựng được thực hiện theo quy định tại Chương V, Luật xây dựng ngày 18/6/2014.

Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng được Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định đầu tư thì được miễn giấy phép xây dựng.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng: theo quy định tại Điều 41 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

Những công trình xây dựng thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng, trước khi khởi công xây dựng chủ đầu tư phải thông báo thời điểm khởi công xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến cơ quan quản lý xây dựng tại địa phương để theo dõi, lưu hồ sơ.

4.12. Công tác thanh lý công sản để tạo mặt bằng xây dựng:

Trong khi lập dự án đầu tư, Đơn vị phải tiến hành kiểm định chất lượng các hạng mục công trình trong diện giải phóng mặt bằng, làm công tác thanh lý công sản để phục vụ giải phóng mặt bằng và đền bù. Việc thanh lý công sản phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Các hạng mục công trình cần phá dỡ để giải phóng mặt bằng phải được quy định cụ thể trong quyết định đầu tư.

4.13. Công tác lựa chọn nhà thầu:

Chủ đầu tư phải lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các dữ liệu đấu thầu như: Phân chia gói thầu, tên gói thầu, giá gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu, hình thức hợp đồng, thời

gian lựa chọn nhà thầu, thời gian thực hiện hợp đồng từng gói thầu phải được Bộ Y tế (hoặc cấp có thẩm quyền) thẩm định và phê duyệt trong nội dung phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Chủ đầu tư thực hiện đăng tải thông tin về đấu thầu đầy đủ trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trên Báo đấu thầu đúng thời hạn: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển; Thông báo mời chào hàng, thông báo mời thầu; Danh sách ngắn; Kết quả lựa chọn nhà thầu; Kết quả mở thầu đối với đấu thầu qua mạng; Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu; Thông tin khác có liên quan. Việc đăng tải thông tin về đấu thầu theo quy định tại khoản 1, Điều 8 Luật Đấu thầu, Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015.

Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng được thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm được gửi tới Vụ Trang thiết bị và công trình y tế, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo bằng đường văn thư hành chính và thư điện tử, biểu mẫu báo cáo tuân theo quy định hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4.14. Lựa chọn nhà thầu cung cấp trang thiết bị y tế

Chủ đầu tư phải xây dựng yêu cầu chi tiết về cấu hình, tính năng kỹ thuật thiết bị trình Bộ Y tế thẩm định kèm theo trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật thiết bị cần xây dựng cho từng thiết bị, gồm 4 phần:

a. Yêu cầu chung: Yêu cầu năm sản xuất, mới 100%, tiêu chuẩn thiết bị, tiêu chuẩn nhà sản xuất, yêu cầu môi trường hoạt động của thiết bị, nguồn điện sử dụng.

b. Yêu cầu cấu hình: Nêu rõ số lượng, đơn vị tính của máy chính và các thành phần chính cấu thành lên thiết bị.

c. Chỉ tiêu kỹ thuật

- Nêu được yêu cầu về nguyên lý, công nghệ.
- Nêu được yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật:
 - + Cấu tạo thiết bị: kích thước, cảm biến, vật liệu chế tạo, thiết kế, cảm biến ...
 - + Yêu cầu về điều khiển: Điều khiển bằng cảm ứng hay bàn phím, nút; Nguyên lý điều khiển bằng vi xử lý hay cơ học; Có các phương pháp điều khiển gì (tại bàn hay qua máy tính, bằng bàn đạp chân hay gắn trên máy); Có các chức năng điều khiển gì (phần mềm)...
 - + Yêu cầu về hiển thị: Màn hình loại gì, hay bằng led thanh, cấu tạo màn hình, kích thước, độ sáng, độ phân giải
 - + Yêu cầu kỹ thuật của các chức năng chính của thiết bị: ví dụ đèn thì độ sáng, tuổi thọ; Camera thì độ phân giải của cảm biến; Tủ âm thì khoảng nhiệt độ cài đặt,....
 - + Yêu cầu về các chức năng an toàn, cảnh báo an toàn.
 - + Yêu cầu về phần mềm ứng dụng.

+ Yêu cầu về máy tính, nếu có.
+ Yêu cầu về kết nối giữa các thành phần trong hệ thống; giữa hệ thống với hệ thống khác

d. Yêu cầu khác: Nêu các yêu cầu về điều kiện thương mại, bảo hành, bảo trì, cung cấp, lắp đặt, kiểm định, tài liệu, đào tạo,...

4.15. Thời hạn thực hiện đấu thầu trong năm:

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu xây lắp được ghi kế hoạch trong năm phải được phê duyệt và triển khai thực hiện trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm trang thiết bị sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước ngoài thường xuyên phải được phê duyệt và triển khai thực hiện trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm trang thiết bị sử dụng các nguồn kinh phí nhà nước khác phải được phê duyệt và triển khai thực hiện trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu với nguồn vốn bổ sung phải được phê duyệt và triển khai thực hiện không quá 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được thông báo vốn bổ sung.

4.16. Ký kết và thực hiện hợp đồng:

Chủ đầu tư căn cứ kết quả đấu thầu để: (1) Ký kết hợp đồng theo mẫu hợp đồng đã phát hành trong nội dung Hồ sơ mời thầu và các quy định ghi trong Quyết định chỉ định thầu hoặc Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu; (2) Khởi công công trình; (3) Giám sát thực hiện hợp đồng xây dựng, lắp đặt, vận hành thử trang thiết bị và tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Mẫu hợp đồng tư vấn thực hiện theo Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng. Mẫu hợp đồng thi công xây dựng công trình thực hiện theo Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.

Chủ đầu tư tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công và lễ khánh thành công trình xây dựng theo quy định tại Quyết định số 226/2006/QĐ-TTg ngày 10/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

4.17. Giám sát thi công xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị:

Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc đơn vị quản lý dự án do Chủ đầu tư thành lập và Tổ chức tư vấn giám sát thi công phải có Văn phòng tại hiện trường. Cán bộ giám sát kỹ thuật, tổ chức tư vấn, nhà thầu, Ban quản lý dự án và Chủ đầu tư (**trừ trường hợp ủy thác**) phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng, các sai sót (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.

Các cán bộ kỹ thuật thuộc đơn vị tư vấn giám sát thường xuyên có mặt tại hiện trường với đầy đủ hồ sơ dự án để sẵn sàng xử lý các sự vụ xảy ra trong quá trình thi công công trình.

Công tác giám sát thi công thực hiện theo Điều 120, Điều 121, Điều 122 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014.

4.18. Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình:

Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình bao gồm quản lý chất lượng xây dựng, quản lý tiến độ xây dựng, quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình, quản lý an toàn lao động trên công trường xây dựng, quản lý môi trường xây dựng. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng được thực hiện theo quy định từ Điều 23 đến Điều 36 của Nghị định 46/2016/NĐ-CP.

Chủ đầu tư báo cáo về chất lượng công trình và quản lý chất lượng công trình về Vụ Trang thiết bị và công trình y tế định kỳ 6 tháng theo biểu mẫu báo cáo Bộ Xây dựng hướng dẫn.

4.18.1 Quản lý chất lượng xây dựng:

Chất lượng công trình xây dựng phải được kiểm soát từ công đoạn mua sắm, sản xuất, chế tạo các sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị được sử dụng vào công trình cho tới công đoạn thi công xây dựng, chạy thử và nghiệm thu đưa hạng mục công trình, công trình hoàn thành vào sử dụng. Quản lý chất lượng công trình xây dựng phải tuân thủ quy định từ Điều 23 đến Điều 26 của Nghị định 46/2016/NĐ-CP.

4.18.2. Quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình:

Công trình xây dựng trước khi triển khai phải được lập tiến độ thi công xây dựng. Tiến độ thi công xây dựng công trình phải phù hợp với tổng tiến độ của dự án đã được phê duyệt.

Đối với công trình xây dựng có quy mô lớn và thời gian thi công kéo dài thì tiến độ xây dựng công trình phải được lập cho từng giai đoạn theo tháng, quý, năm.

Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát và các bên có liên quan có trách nhiệm theo dõi, giám sát tiến độ thi công xây dựng công trình và điều chỉnh tiến độ trong trường hợp tiến độ thi công xây dựng ở một số giai đoạn bị kéo dài nhưng không được làm ảnh hưởng đến tổng tiến độ của dự án. Trường hợp xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư để đưa ra quyết định việc điều chỉnh tổng tiến độ của dự án.

4.18.3. Quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình:

Việc thi công xây dựng công trình phải được thực hiện theo khối lượng của thiết kế được duyệt.

Khối lượng thi công xây dựng được tính toán, xác nhận giữa chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát theo thời gian hoặc giai đoạn thi công và được đối chiếu với khối lượng thiết kế được duyệt để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán theo hợp đồng.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình được duyệt thì Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng phải xem xét để xử lý. Trường

hợp thay đổi thiết kế, thực hiện theo điều 4.6 của quy định này . Khối lượng phát sinh được Chủ đầu tư hoặc người quyết định đầu tư chấp thuận, phê duyệt là cơ sở để thanh toán, quyết toán công trình.

Nghiêm cấm việc khai khống, khai tăng khối lượng hoặc thông đồng giữa các bên tham gia dẫn đến làm sai khối lượng thanh toán.

4.18.4. Quản lý an toàn lao động trên công trường xây dựng:

Việc quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình được thực hiện theo quy định từ Điều 34 của Nghị định 59/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo phân cấp quản lý có trách nhiệm kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác quản lý an toàn lao động trên công trường của chủ đầu tư và các nhà thầu. Trường hợp công trình xây dựng thuộc đối tượng cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra công tác nghiệm thu thì công tác kiểm tra an toàn lao động được phối hợp kiểm tra đồng thời.

4.18.5. Quản lý môi trường xây dựng:

Việc quản lý môi trường trong thi công xây dựng công trình được thực hiện theo quy định từ Điều 35 của Nghị định 59/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

4.19. Công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng

Việc triển khai thực hiện công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được thực hiện theo Điều 31 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ, và phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Công trình, hạng mục công trình được nghiệm thu theo quy định;
- Công trình phải được Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng (đối với công trình cấp I trở lên), Sở Xây dựng (công trình cấp II trở xuống) kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư. Riêng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách, chủ đầu tư chỉ được quyết toán hợp đồng thi công xây dựng sau khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu nêu trên.

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2016/NĐ-CP có trách nhiệm:

- Kiểm tra công trình, hạng mục công trình hoàn thành, kiểm tra sự tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng khi nhận được báo cáo của chủ đầu tư; kiểm tra công tác nghiệm thu các giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng quan trọng của công trình khi cần thiết;
- Yêu cầu chủ đầu tư và các bên có liên quan giải trình và khắc phục các tồn tại (nếu có);
- Yêu cầu chủ đầu tư và các bên có liên quan kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục hoặc toàn bộ công trình khi cần thiết;

- Cơ quan quản lý nhà nước có Kết luận bằng văn bản về các nội dung kiểm tra trong thời hạn theo quy định của Bộ Xây dựng.

- Công trình, hạng mục công trình sau khi được hoàn thành, có kết luận ghi trong Biên bản Tổng nghiệm thu được phép đưa vào sử dụng sẽ được tổ chức bàn giao cho Bộ phận quản lý sử dụng. Trong khi bàn giao phải có Hồ sơ hoàn công với đầy đủ thuyết minh hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ (nếu có).

4.20. Hồ sơ hoàn công:

Tất cả các công trình, hạng mục công trình được đầu tư xây dựng hoàn thành, trước khi tổng nghiệm thu kỹ thuật phải có hồ sơ hoàn công. Hồ sơ hoàn công do nhà thầu lập, trên cơ sở Hồ sơ thiết kế được cập nhật các sửa đổi bổ sung trong quá trình thi công ghi trong nhật ký công trình. Bản vẽ trong Hồ sơ hoàn công phải rõ ràng, có thuyết minh đầy đủ những thay đổi so với Hồ sơ thiết kế để phục vụ việc quyết toán chính xác khối lượng xây lắp. Hồ sơ hoàn công cần được bàn giao đầy đủ cho Bộ phận quản lý tài sản của đơn vị để theo dõi các biến cố trong quá trình sử dụng cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc duy tu, sửa chữa công trình sau này.

4.21. Công tác thanh toán vốn đầu tư:

Trong quá trình thực hiện đầu tư, Chủ đầu tư phải thực hiện việc thanh toán vốn đầu tư trong các khâu tạm ứng, thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, các chi phí khác theo hợp đồng đã ký kết theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước, không được thanh toán khối lượng không và không để nợ đọng trong khi còn vốn đã được cấp.

Công tác thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 08/2016/TT-BTC, ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chủ đầu tư có trách nhiệm thường xuyên đối chiếu xác nhận việc thanh toán vốn dự án với kho bạc nhà nước nơi dự án đăng ký giao dịch, gửi báo cáo Bộ Y tế theo quy định của Thông tư 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

4.22. Quản lý, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hạng mục, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành:

4.22.1. Công tác kế toán Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức công tác kế toán, hạch toán kế toán vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước theo chế độ kế toán áp dụng cho các đơn vị chủ đầu tư quy định tại Thông tư 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

- Lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư (báo cáo tài chính cuối quý, năm). Kết thúc kỳ kế toán (tháng, quý, năm), Chủ đầu tư thực hiện khoá sổ kế toán, lập báo cáo tài chính vốn đầu tư quý, năm gửi các cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan thanh toán, cho vay, tài trợ vốn chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

4.22.2. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách:

Chủ đầu tư lập báo cáo và chịu trách nhiệm về số liệu được đưa vào báo cáo quyết toán theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; và theo mẫu Biểu số 01/CĐT, Biểu số 02/CĐT, Biểu số 03/CĐT, Biểu số 04/CĐT và Bảng đối chiếu số liệu về kế hoạch và vốn đã thanh toán của Chủ đầu tư với Kho bạc nhà nước để lập báo cáo quyết toán năm, thuyết minh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản Nhà nước giao trong năm theo hướng dẫn tại Thông tư 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm để gửi Bộ Y tế trước ngày **01/5** năm sau.

4.22.3. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành:

Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ gửi Bộ Y tế (Vụ Kế hoạch-Tài chính) thẩm tra phê duyệt quyết toán. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

4.22.3.1. Đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành; dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và đơn vị kiểm toán độc lập;

- Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính (bản chính);

- Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính);

- Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: hợp đồng xây dựng; các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng;

- Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính);

- Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính);

- Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra,



Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

4.22.3.2. Đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển (nếu có); dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính);
- Biểu mẫu Báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính (bản chính);
- Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính);
- Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: hợp đồng xây dựng; các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng;
- Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán;
- Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

4.22.3.3. Trường hợp nhà thầu không thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định:

Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ, tài liệu quyết toán hợp đồng kèm theo thời hạn thực hiện (theo Mẫu số 14/QTDA, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính). Sau khi chủ đầu tư đã gửi văn bản lần thứ 03 đến nhà thầu, nhưng nhà thầu vẫn không thực hiện các nội dung theo yêu cầu; chủ đầu tư được căn cứ những hồ sơ thực tế đã thực hiện của hợp đồng để lập hồ sơ quyết toán (không cần bao gồm quyết toán A-B), xác định giá trị đề nghị quyết toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhà thầu chịu hoàn toàn các tổn thất, thiệt hại (nếu có) và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cấp có thẩm quyền.

4.22.3.4. Biểu mẫu báo cáo quyết toán:

- Đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình độc lập hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu gồm các Mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07/QTDA kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

- Đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển (nếu có), dự án dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu gồm các Mẫu số: 03, 07, 08/QTDA kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

- Thời hạn Quyết toán dự án hoàn thành: Chậm nhất sau 9 tháng (đối với dự án nhóm A); 6 tháng (đối với dự án nhóm B), 3 tháng (đối với dự án nhóm C) kể từ ngày công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng; chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành theo hệ thống biểu mẫu quy định tại Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn NSNN, thực hiện kiểm toán dự án hoàn thành gửi Bộ Y tế (hoặc cấp quyết định đầu tư) để tổ chức thẩm tra phê duyệt.

- Sau 06 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết công nợ, tắt toán tài khoản của dự án tại cơ quan thanh toán, cho vay vốn và báo cáo Bộ Y tế kết quả thực hiện.

4.23. Kiểm toán, thẩm tra và trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

4.23.1. Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành:

- Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B sử dụng vốn nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt; Riêng đối với dự án nhóm B đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán thì không phải thuê cơ quan kiểm toán, trừ trường hợp Bộ Y tế thấy cần thiết và yêu cầu phải kiểm toán.

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của Luật Đấu thầu và ký kết hợp đồng kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Nhà thầu kiểm toán quyết toán phải là các doanh nghiệp kiểm toán được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động doanh nghiệp tại Việt Nam và quy định tại Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 và Nghị định số 30/2009/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Chính phủ về kiểm toán độc lập.

- Nhà thầu kiểm toán thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành, lập báo cáo kiểm toán phải tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành do Bộ Tài chính ban hành.

4.23.2. Thẩm tra và trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Đối với các dự án do Bộ Y tế phê duyệt theo thẩm quyền: Vụ Kế hoạch-Tài chính là đầu mối, có trách nhiệm tiếp nhận Hồ sơ quyết toán các dự án do Chủ đầu tư trình duyệt, tổ chức thẩm định và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm thực hiện công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành và hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định hiện hành Nhà nước.



V. BẢO HÀNH, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG:

5.1. Bảo hành:

Bảo hành là trách nhiệm của nhà thầu thi công, trách nhiệm công tác bảo hành thực hiện theo quy định của pháp luật. Thời hạn bảo hành được ghi trong hợp đồng thi công xây lắp. Việc triển khai thực hiện công tác bảo hành công trình xây dựng được thực hiện theo Điều 35, Điều 36 của Nghị định 46/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

5.2. Bảo trì công trình xây dựng:

Các công trình xây dựng thuộc mọi nguồn vốn, khi kết thúc bảo hành theo quy định đều phải thực hiện công tác bảo trì, nhằm duy trì những đặc trưng kiến trúc, công năng công trình, đảm bảo công trình được vận hành và khai thác phù hợp với yêu cầu của thiết kế trong suốt quá trình khai thác sử dụng.

Việc bảo trì công trình xây dựng được thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 46/2016/NĐ-CP của Chính Phủ.

VI. CÔNG TÁC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ:

Chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện dự án, lập báo cáo định kỳ việc thực hiện dự án theo từng quý cho cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư để theo dõi, giám sát, đánh giá, hỗ trợ quản lý dự án. Chủ đầu tư phải báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư về những vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án, kiến nghị các biện pháp giải quyết và chịu trách nhiệm đối với mọi phát sinh do không được xử lý kịp thời.

Dự án sử dụng vốn nhà nước trên 50% tổng mức đầu tư thì phải được giám sát, đánh giá đầu tư. Đối với dự án sử dụng vốn khác, việc giám sát, đánh giá đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định.

Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/09/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 /12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư, cụ thể như sau:

6.1. Nội dung theo dõi:

- Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án, chủ đầu tư, chủ sử dụng;
- Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định dự án;
- Tổng hợp tình hình thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện; thực hiện kế hoạch vốn đầu tư; giải ngân, quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý; khó khăn, vướng mắc, phát sinh ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kết quả xử lý;
- Tổng hợp tình hình tổ chức khai thác, vận hành dự án; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến quá trình khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý;
- Việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư, chủ sử dụng;
- Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền theo quy định.

6.2. Nội dung kiểm tra:

- Việc chấp hành quy định về: Giám sát và đánh giá đầu tư; lập, thẩm định quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án; đấu thầu; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; sử dụng vốn đầu tư và các nguồn lực khác của dự án; bố trí vốn đầu tư, giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư; giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; nghiệm thu đưa dự án vào hoạt động; quản lý, vận hành dự án; bảo vệ môi trường;

- Việc quản lý thực hiện dự án của chủ đầu tư, ban quản lý dự án;
- Tiến độ thực hiện dự án;
- Việc quản lý, khai thác, vận hành dự án của chủ sử dụng;
- Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, chủ sử dụng.

6.3. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:

Người quyết định đầu tư hoặc người uỷ quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư. Riêng đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư thì Bộ Kế hoạch đầu tư tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư.

6.4. Công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư:

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định, nội dung báo cáo theo các biểu mẫu tại Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư, Thông tư 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo và cập nhật tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư công theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 11 Thông tư số 03/2017/TT-BKH-ĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công.

- Thời gian gửi báo cáo trước ngày 05 của tháng kế tiếp kỳ báo cáo. Các báo cáo gửi Bộ Y tế (Vụ Kế hoạch Tài chính, Vụ Trang thiết bị và công trình y tế) để tổng hợp báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ đầu tư dự án nhóm A: Ngoài việc lập và gửi báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo các quy định trên, đồng thời gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo quý, 6 tháng, năm và báo cáo khi điều chỉnh dự án để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Vụ Kế hoạch Tài chính làm đầu mối phối hợp với các Vụ, Cục liên quan kiểm tra, đôn đốc các Đơn vị thực hiện.

VII. GIÁM SÁT CỘNG ĐỒNG, KIỂM TRA, THANH TRA:

7.1. Giám sát cộng đồng:

Chủ đầu tư phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan theo quy định của pháp luật tiến hành các hoạt động hợp pháp trong công tác Giám sát cộng đồng các dự án đầu tư.

7.2. Kiểm tra, thanh tra:

Trong quá trình thực hiện đầu tư, Chủ đầu tư phải lưu trữ đầy đủ mọi hồ sơ, tài liệu có liên quan và xuất trình đầy đủ cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Bộ Y tế sẽ thành lập các Đoàn thanh tra, kiểm tra công tác Quản lý đầu tư xây dựng của tất cả các dự án đã hoặc đang thực hiện. Đoàn thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm rà soát việc thực hiện các quy định nêu trên, đôn đốc về tiến độ, uốn nắn kịp thời những sai phạm (nếu có) và báo cáo tình hình thực hiện đầu tư để Bộ trưởng Bộ Y tế có biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời.

Thanh tra Bộ làm đầu mối phối hợp với các Vụ, Cục liên quan kiểm tra, đôn đốc các Đơn vị thực hiện.

7.3. Thực hiện kết luận, kiến nghị của thanh tra, kiểm toán:

Trên cơ sở kết luận, kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán, các đơn vị chủ đầu tư khẩn trương thực hiện ngay và báo cáo kết quả thực hiện đúng thời hạn theo quy định tại điểm 2, Điều 5, Thông tư 165/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục và chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán nhà nước; trích lập và sử dụng nguồn kinh phí được trích 5% trên số tiền đã nộp vào Ngân sách nhà nước do Kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị, cụ thể như sau:

a. Đối với thực hiện giảm dự toán, giảm thanh toán:

- Điều chỉnh sổ sách kế toán;
- Quyết định điều chỉnh giảm dự toán (ghi rõ thực hiện theo kết luận của Thanh tra, kiểm toán);
- Điều chỉnh Hợp đồng (ký phụ lục Hợp đồng) và có cam kết giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ giảm thanh toán trong lần thanh toán kế tiếp.
- Hồ sơ thanh toán lần tiếp theo phải thể hiện rõ nội dung giảm trừ thanh toán theo kết luận của Thanh tra, kiểm toán.

b. Đối với giảm quyết toán:

- Điều chỉnh báo cáo quyết toán;
- Thu hồi nộp NSNN (nếu có), khi nộp KBNN cần ghi rõ trong phiếu thu là: "*nộp ngân sách nhà nước theo kết luận, kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán nhà nước (tại kết luận số, ngày, tháng, năm)*". Trường hợp khi đơn vị thực hiện kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán nhà nước nhưng phần nội dung không ghi rõ "thực hiện

theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước” thì đơn vị phải có trách nhiệm gửi Kho bạc nhà nước hoặc cơ quan quản lý Thuế hoặc cơ quan Tài chính địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền giao dự toán, phê duyệt quyết toán để được xác nhận.

c. Đối với rút kinh nghiệm hoặc kiểm điểm trách nhiệm:

- Có các biên bản họp rút kinh nghiệm, phê bình đối với cá nhân, tập thể có liên quan;
- Có bằng chứng trong việc khắc phục hậu quả mà kết luận, kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán đã nêu.

d. Về báo cáo :

Ngoài trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước, hàng năm khi lập báo cáo quyết toán năm, các đơn vị được kiểm toán căn cứ chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán hoặc xác nhận của các cơ quan liên quan lập báo cáo về số tiền đã thực hiện kiến nghị kiểm toán trong năm gửi về Bộ Y tế tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán (chi tiết đến từng chứng từ, nội dung thực hiện) gửi Kiểm toán nhà nước và Bộ Tài chính.

VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình y tế có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Luật đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 hướng dẫn về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 về giám sát và đánh giá đầu tư; Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 sửa đổi Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của chính Phủ; Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 về quản lý Trang thiết bị y tế của Chính phủ và các văn bản ban hành kèm theo các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện và “Quy định” này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến